

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DSST

Ngày 28/8/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Q T T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông P V C;
2. Ông T V P.

- Thư ký phiên tòa: Ông D V A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa:
Bà LT N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐST- DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: N H TMCP S G TT

Địa chỉ: số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N Đ T D, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh H P T, chức vụ: Phó Trưởng phòng giao dịch Phước Long.

Địa chỉ: ấp N Ô, TT PL, H PL, T BL.

2/. Bị đơn: Anh P H H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp BT A, xã V P T, huyện PL, T BL.

(Anh T có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N H TMCP S G TT có lời khai trình bày: Vào ngày 02/6/2017, N H TMCP S G TT, Phòng giao dịch Phước Long có

ký hợp đồng sử dụng thẻ với anh P H H; căn cứ vào thu nhập của anh H ngày 12/6/2017, Ngân hàng có cấp thẻ tín dụng cho anh P H H với hạn mức sử dụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên kể từ ngày cấp thẻ, anh P H H đã thực hiện các giao dịch với Ngân hàng để rút tiền tính đến ngày 28/8/2020 gồm: nợ gốc là 15.390.241 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.482.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.741.466 đồng. Tổng cộng là 23.614.638 đồng. Trong quá trình giao dịch từ ngày kích hoạt đến ngày 17/5/2020, anh H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.108.000 đồng. Từ ngày 01/8/2019 đến nay anh P H H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ nợ trên của anh H còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay N H TMCP S G TT yêu cầu anh P H H phải thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 28/8/2020 với tổng số tiền là 23.614.638 đồng (Trong đó, số tiền nợ gốc là 15.390.241 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.482.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.741.466 đồng) và trả các khoản lãi, chi phí phát sinh kể từ ngày 29/8/2020 cho đến khi anh P H H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết ngày 02/6/2017 giữa Ngân hàng với anh P H H.

Bị đơn anh P H H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N H TMCP S G TT. Buộc anh P H H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/8/2020 là 23.614.638 đồng (Trong đó, số tiền nợ gốc là 15.390.241 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.482.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.741.466 đồng) và trả các khoản lãi, chi phí phát sinh kể từ ngày 29/8/2020 cho đến khi anh H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết ngày 02/6/2017 giữa Ngân hàng với anh H; buộc anh P H H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ghi ngày 02/6/2017, anh P H H có địa chỉ ấp BT A, xã VPT, huyện PL, T BL, nhưng hiện tại anh H đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho N H TMCP S G TT về nơi cư trú mới. N H TMCP S G TT kiện anh P H H về tranh chấp hợp đồng vay tiền tại Tòa án nhân dân huyện PL, T BL và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt anh T, anh H là phù hợp với quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ghi ngày 02/6/2017 thể hiện N H TMCP S G TT, Phòng giao dịch PL có ký hợp đồng sử dụng thẻ với anh P H H với hạn mức sử dụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên kể từ ngày cấp thẻ, anh P H H đã thực hiện các giao dịch với Ngân hàng để rút tiền tính đến ngày 28/8/2020 gồm: nợ gốc là 15.390.241 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.482.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.741.466 đồng. Tổng cộng là 23.614.638 đồng.

[4] Hiện tại hợp đồng đã chuyển sang quá hạn và Ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian để anh H trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh H đã rời khỏi nơi cư trú mà không thông báo nơi cư trú mới cho Ngân hàng và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[5] Về phía anh P H H đã được Tòa án nhân dân huyện PL tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ triệu tập anh H đến Tòa án nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N H TMCP S G TT đòi anh P H H trả tiền vay tính đến ngày 28/8/2020 gồm: nợ gốc là 15.390.241 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.482.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.741.466 đồng. Tổng cộng là 23.614.638 đồng.

[6] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm có giá ngạch, buộc anh P H H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; 35; 39; khoản 2, 4 Điều 91; 93, 96; khoản 3 Điều 177 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/8/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N H TMCP S G TT đòi anh P H H trả nợ vay gốc và nợ vay lãi theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ghi ngày 02/6/2017.

2/ Buộc anh P H H có nghĩa vụ trả nợ cho N H TMCP S G TT tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2020 tổng số tiền 23.614.638 đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ Về án phí xét xử dân sự có giá ngạch: buộc anh P H H phải nộp số tiền 1.180.713 đ (Một triệu một trăm tám chục nghìn bảy trăm mười ba đồng); N H TMCP S G TT đã tạm ứng án phí số tiền 516.000 đ (Năm trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0004725 ngày 16/3/2020 sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn